

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

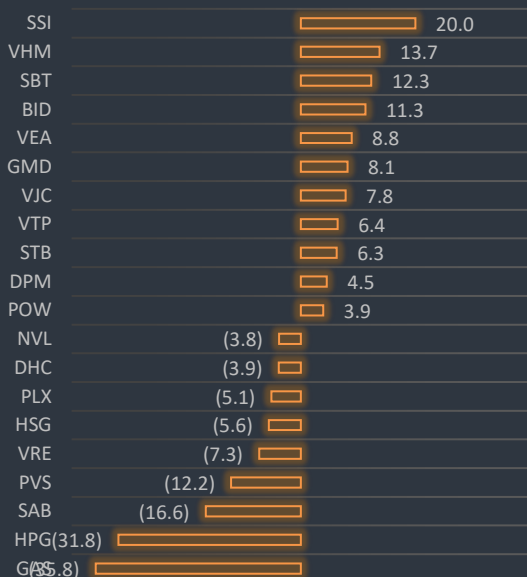
Note doanh nghiệp **P.3**

Kết quả kinh doanh Q2 **P.5**

Độ rộng thị trường

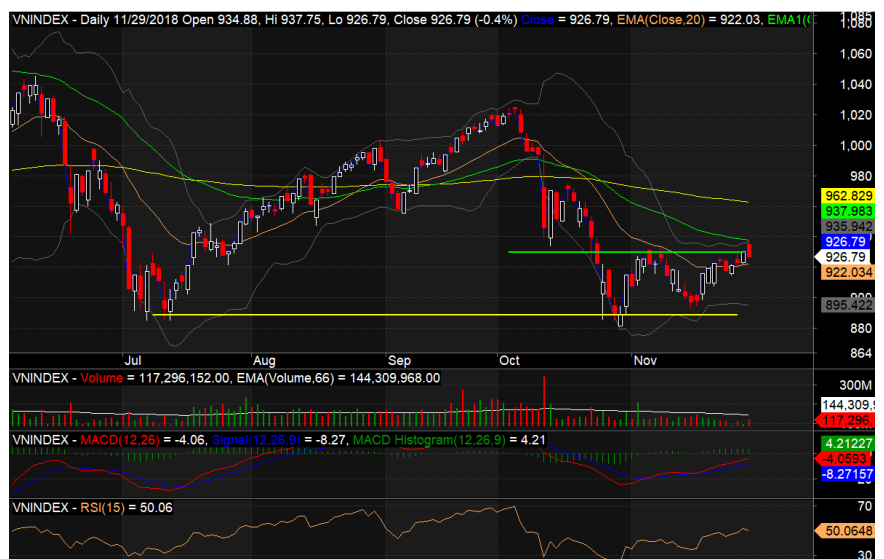


Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường tăng rất mạnh đầu phiên hơn 7 điểm nhờ hiệu ứng lạc quan hôm trước từ thị trường Mỹ. Có vẻ như sau khi đã vượt qua ngưỡng 930 thị trường đã tạo đà tăng trưởng mới phối hợp với dòng tiền vào mạnh. Tuy nhiên sự lạc quan đó chỉ duy trì khoảng 1h đầu giao dịch sau đó áp lực bán gia tăng dần đã làm thị trường yếu dần. Từ khoảng giờ trưa thị trường đã râm ran tin đồn về việc cựu chủ tịch BID bị bắt giữ tuy nhiên việc giảm điểm cuối phiên có lẽ chỉ ảnh hưởng một phần bởi thông tin này. Theo một cách thông thường, các nhà đầu tư ngắn hạn cho rằng tin bắt giữ là cơ hội để mua vào khi thị trường giảm vì vậy tận dụng khi thị trường còn xanh đã tăng cường bán ra để chờ cơ hội. Vì vậy chỉ số Vnindex đã đảo chiều khá nhanh cuối phiên khi cách thể hiện trong việc đưa tin của báo chí đã gần như xác nhận tin đồn là có thật.

Ngoài ra chỉ số Vnindex đã vượt qua vùng kháng cự quan trọng 930 làm gia tăng sự thận trọng và tất yếu dẫn đến xu thế bán ra nhiều hơn. Chưa kể chỉ số index tăng trong các phiên vừa qua nhờ sự góp phần của các blue chip như VHM, SAB, VNM vì vậy chỉ cần một trong các cổ phiếu này hạ nhiệt thì index sẽ nhanh chóng đảo chiều do số CP giao dịch trên sàn vẫn giảm nhiều hơn tăng.



Vnindex 926.79

▼ -3.41 (-0.37%)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
VJC	71,764	132.5	2.32
KDH	12,421	30.0	1.69
BHN	19,239	83.0	0.97
VRE	72,659	31.2	0.65
VHM	263,607	78.7	0.51
MWG	27,441	85.0	0.47
CTG	85,080	22.9	0.44
SSI	14,127	28.3	0.35
MBB	45,153	20.9	0.24
FPT	26,321	42.9	0.23
REE	10,046	32.4	0.15
NVL	63,269	69.2	0.14
DHG	10,787	82.5	0.12
SAB	160,320	250.0	-
VIC	325,545	102.0	-
EIB	16,659	13.6	-
TPB	16,912	25.4	-
ROS	20,490	36.1	(0.14)
VCB	197,877	55.0	(0.18)
CTD	12,277	157.0	(0.19)
HDB	29,675	30.3	(0.33)
MSN	94,215	81.0	(0.37)
TCB	91,086	26.1	(0.38)
HNG	14,722	16.6	(0.60)
STB	21,914	12.2	(0.82)
BID	106,835	31.3	(0.95)
VPB	51,100	20.8	(0.95)
VNM	219,942	126.3	(1.33)
GAS	172,447	90.1	(1.53)
PLX	66,516	57.4	(1.54)
BVH	66,584	95.0	(2.36)
HPG	72,638	34.2	(2.84)
PNJ	14,803	91.3	(4.40)

Vừa qua tổng cục thống kê công bố CPI tháng 11 tăng 3.24% so với tháng 12/2017. Chỉ số CPI tháng 11 giảm nhẹ do giá xăng dầu giảm và có khả năng chỉ số CPI tháng 12 sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do giá lương thực cuối năm không có nhiều biến động lớn trong khi giá xăng dầu dự kiến xoay quanh mức 60 USD/thùng. Như vậy mục tiêu CPI năm nay có thể hoàn thành dưới 4%. Tỷ giá trung tâm trong những ngày gần đây liên tục được điều chỉnh lên là một động thái nới rộng tỷ giá của NHNN và cũng để hạn chế bớt cung USD trong bối cảnh nhập siêu cuối năm. Có thể một kịch bản vĩ mô cho năm sau CPI sẽ ở mức cao hơn trên 4% và chính phủ đã chuẩn bị cho kịch bản tăng giá điện và kéo theo lãi suất cũng tăng lên tương ứng mới thu hút được người dân gởi tiền. Room tăng trưởng tín dụng có thể tương đương với năm nay và các doanh nghiệp sẽ tăng tốc vay vốn ngay từ đầu năm để tranh thủ nguồn vốn vay ở lãi suất cũ trước khi các ngân hàng tăng lãi suất. Về mặt vĩ mô hiện tại chưa xuất hiện các yếu tố quá xấu có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế chung năm sau ngoại trừ lợi nhuận một số ngành như ngân hàng, bất động sản sẽ thấp hơn năm nay nhưng chúng tôi cho rằng cũng sẽ không quá mức ảm đạm.

Thị trường vẫn đang chờ đợi một tín hiệu rõ ràng hơn từ vĩ mô trong nước và cả cuộc gặp Trung Mỹ sắp tới như một cách cời bỏ tâm lý. Sự thận trọng đang giảm dần và chúng tôi nhận thấy thị trường không còn cách đây bao xa và nhà đầu tư đã có thể tăng cường giải ngân ở những phiên điều chỉnh.

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Đáy thấp nhất 6 tháng	RSI	StochK	Hỗ trợ mạnh
VJC	132.5	3.4%	124.8	80.7	58.9	130
VEA	37.9	2.2%	19.4	64.5	70.6	35
VNM	126.3	5.2%	114.3	70.3	86.5	125
STK	18.6	-6.1%	13.1	24.7	9.1	18 - 19
TCM	24.0	-4.0%	16.3	24.3	34.3	23
VPB	20.8	-7.6%	19.0	36.7	15.1	20
MSH	56.0	-	54.0	-	0	50
VCB	55.0	0.4%	50.5	60.8	51.6	50 - 52
CTD	157.0	2.3%	130.2	75.0	89.8	150
VHC	105.6	-3.6%	54.4	43.7	23.5	100
PVS	18.8	-3.1%	13.8	41.2	17.5	17.5 - 18
STB	12.1	-2.4%	9.7	42.1	28.2	11.5 - 12
ACB	29.5	0.3%	26.0	65.5	63.6	25 - 27
TV2	111.7	-1.6%	90.5	52.9	47.9	100
BID	31.3	-1.9%	21.6	36.6	30.6	27 - 28



Tình hình lợi nhuận DN 9 Tháng 2018

	Số Cty	Lợi nhuận
Số công ty công bố	931	
- Số DN báo lãi	787	
- Số DN báo lỗ	126	
Tổng lợi nhuận 9T 2018 Tỷ VND		191,142
Tổng lợi nhuận 9T 2017 Tỷ VND		151,173
% Tăng/(Giảm)		26.4%

Thống kê lợi nhuận Quý 9T 2018 theo ngành

Ngành	Số DN	Vốn Hóa	Lợi nhuận sau thuế (*)		+/- Tỷ VND	Tăng trưởng %
			9T.2017	9T.2018		
			Tỷ VND	Tỷ VND		
Bán lẻ	18	47,516	2,172.4	2,748.3	575.90	26.5%
Bảo hiểm	10	86,266	2,533.3	1,864.6	(668.70)	-26.4%
Bất động sản	89	824,768	12,819.3	25,365.7	12,546.40	97.9%
Công nghệ Thông tin	21	31,326	1,743.3	2,095.4	352.10	20.2%
Dầu khí	7	149,453	8,474.5	8,467.0	(7.50)	-0.1%
Dịch vụ tài chính	35	54,432	3,476.7	4,517.6	1,040.90	29.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	82	310,342	13,134.7	16,610.7	3,476.00	26.5%
Du lịch và Giải trí	30	140,746	5,816.7	6,487.6	670.90	11.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	135	326,442	13,708.1	18,008.2	4,300.10	31.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	38	46,605	2,970.8	3,624.0	653.20	22.0%
Hóa chất	48	84,610	4,044.6	5,836.9	1,792.30	44.3%
Ngân hàng	18	761,668	36,125.5	50,276.4	14,150.90	39.2%
Ô tô và phụ tùng	12	15,592	399.6	491.6	92.00	23.0%
Tài nguyên Cơ bản	67	147,252	9,250.4	9,355.6	105.20	1.1%
Thực phẩm và đồ uống	81	628,840	20,481.1	24,791.9	4,310.80	21.0%
Truyền thông	25	12,127	198.0	288.6	90.60	45.8%
Viễn thông	5	51,882	1,142.0	(30.7)	(1,172.70)	-102.7%
Xây dựng và Vật liệu	185	151,613	10,886.4	8,399.9	(2,486.50)	-22.8%
Y tế	25	39,661	1,795.6	1,942.2	146.60	8.2%
Total	931	3,911,141	151,173.00	191,141.50	39,968.50	26.44%



Tổng hợp kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp đạt kết quả tốt 9 tháng đầu năm:

Mã	Sàn NY	Giá	Vốn hóa	Doanh thu		Lợi Nhuận		EPS 4 quý	P/Bv	PE	ROA	ROE
		VND	Tỷ VND	9T.2018	% cùng kỳ	9T.2018	% cùng kỳ					
				Tỷ VND	lần	Tỷ VND	lần	VND	lần	lần	lần	lần
ABT	HOSE	42,200	485.2	308.0	8.1%	54.8	303.5%	5,789	1.49	7.29	11.1%	16.2%
ACB	HNX	29,300	36,541.9	0.0		3,771.8	139.5%	3,157	1.74	9.28	1.5%	24.6%
ACL	HOSE	30,150	687.4	1,190.3	34.3%	147.4	1141.7%	6,517	1.48	4.63	12.7%	34.9%
AMV	HNX	37,000	1,003.3	164.2	1466.2%	94.7	22817.7%	4,874	2.25	7.59	31.1%	34.6%
ANV	HOSE	25,900	3,228.4	2,734.7	30.0%	303.4	244.0%	2,796	2.58	9.26	11.5%	23.9%
APC	HOSE	37,000	436.8	125.7	15.9%	58.8	23.4%	6,836	1.47	5.41	24.7%	27.1%
ASM	HOSE	10,700	2,588.7	5,149.0	250.1%	957.1	44.0%	4,187	0.58	2.56	10.4%	21.2%
BWE	HOSE	20,750	3,112.5	1,591.4	27.5%	231.2	162.9%	2,099	0.80	9.89	2.7%	8.6%
BTT	HOSE	43,750	590.6	264.4	2.7%	36.2	42.1%	3,724	1.87	11.75	10.5%	15.4%
BWS	UPCOM	30,500	1,921.5	449.2		169.0	68.4%	3,413	2.60	8.94	26.1%	30.2%
CAV	HOSE	55,500	3,196.8	6,029.5	20.8%	291.9	50.5%	6,485	2.05	8.56	10.9%	26.6%
STK	HOSE	19,500	1,168.8	1,780.9	24.4%	131.4	162.8%	2,706	1.36	7.21	7.8%	19.8%
CKD	UPCOM	14,800	458.8	851.1	-6.2%	106.0	453.7%	5,258	0.99	2.81	17.8%	37.8%
CLC	HOSE	34,800	912.0	1,446.6	7.3%	105.8	49.6%	5,345	1.48	6.51	14.2%	22.7%
CMX	HOSE	12,300	162.6	802.9	16.1%	58.9	739.4%	4,987	1.39	2.47	8.3%	83.5%
CNG	HOSE	27,100	731.7	1,320.6	36.7%	83.8	36.4%	4,218	1.56	6.42	14.6%	23.3%
CSC	HNX	29,500	295.0	243.3	52.9%	118.8	190.5%	14,721	0.88	2.00	22.9%	49.5%
CTI	HOSE	25,550	1,609.7	709.1	-17.9%	105.5	53.7%	2,427		10.53	3.6%	10.6%
CTR	UPCOM	21,900	1,059.7	3,106.9	42.3%	107.0	124.7%	3,134	1.35	6.99	7.3%	20.1%
DPG	HOSE	45,000	1,350.0	917.7	29.6%	85.3	31.0%	5,083	1.40	8.85	3.7%	16.6%
DGC	HNX	47,500	5,120.6	4,327.3	58.2%	620.6	298.6%	6,893	1.85	6.89	21.0%	28.9%
DGW	HOSE	23,600	958.2	4,382.7	62.6%	78.3	31.9%	2,504	1.43	9.42	6.6%	14.3%
DHC	HOSE	40,200	1,385.3	679.4	18.2%	103.7	147.6%	4,026	1.71	9.99	9.1%	18.3%
DHT	HNX	40,300	759.4	1,281.8	17.9%	60.2	20.9%	4,447	2.81	9.06	13.8%	32.8%
DNH	UPCOM	20,700	8,743.7	1,596.3	31.6%	801.0	104.3%	2,399	1.56	8.63	13.1%	18.4%
DVP	HOSE	45,500	1,820.0	466.9	1.0%	226.0	21.0%	7,226	1.65	6.30	25.1%	28.0%
DXG	HOSE	25,550	8,937.9	3,236.6	93.1%	750.2	23.9%	3,042	1.57	8.40	8.9%	20.6%
DP3	HNX	82,000	557.6	361.9	44.4%	81.0	206.2%	14,072	2.82	5.83	39.0%	55.3%
FPT	HOSE	41,850	25,677.3	16,261.1	-46.1%	1,828.2	24.4%	5,305	1.92	7.89	12.4%	23.5%
FRT	HOSE	71,100	4,834.8	11,032.5	19.5%	227.4	29.7%	5,031	4.92	14.13	8.4%	37.8%
FOX	UPCOM	51,000	11,532.6	6,478.1	15.9%	795.5	22.4%	4,361	3.21	11.69	10.5%	26.5%
GAS	HOSE	99,800	191,012.2	56,613.9	19.2%	8,879.8	68.3%	6,557	4.36	15.22	19.5%	28.2%
GEX	HOSE	25,800	10,489.3	10,049.3	15.9%	724.9	114.3%	2,603	1.39	9.91	5.9%	12.6%

GIL	HOSE	37,500	715.3	1,607.4	15.3%	88.7	153.9%	8,997	0.84	4.17	10.6%	28.6%
GMD	HOSE	27,700	8,224.8	1,998.5	-30.3%	1,675.1	22.7%	6,458	1.35	4.29	18.2%	28.3%
GSP	HOSE	13,650	409.5	1,234.1	37.4%	48.7	31.0%	2,148	1.06	6.35	11.4%	16.6%
HEM	UPCOM	21,900	805.9	326.2	-26.9%	66.4	180.3%	2,370	1.41	9.24	10.8%	15.3%
HJS	HNX	23,000	483.0	131.6	5.1%	38.8	33.3%	2,209	1.64	10.41	10.1%	15.8%
HMC	HOSE	14,450	303.5	2,867.7	41.5%	72.4	42.9%	5,151	0.79	2.81	10.1%	29.0%
HTC	HNX	25,600	281.6	1,622.6	26.1%	30.7	53.1%	3,566	1.23	7.18	7.7%	16.7%
HVT	HNX	47,500	521.9	712.9	20.6%	65.5	96.2%	9,085	2.43	5.23	21.4%	50.3%
IMP	HOSE	50,700	2,504.7	810.1	7.9%	99.3	21.3%	2,585	1.78	19.61	7.5%	8.9%
KSB	HOSE	29,450	1,516.1	776.3	4.9%	212.7	28.3%	5,796	1.70	5.08	14.3%	35.6%
L14	HNX	35,900	538.5	177.7	-20.5%	64.5	52.7%	7,427	1.85	4.83	23.1%	39.2%
LGL	HOSE	7,170	358.5	763.1	432.5%	48.4	516.8%	3,203	0.51	2.24	5.8%	23.4%
MBB	HOSE	21,500	46,449.7	0.0		4,801.4	47.4%	2,341	1.44	9.18	1.6%	16.2%
MCH	UPCOM	86,000	52,452.7	11,659.2	32.6%	2,483.7	49.3%	5,527	6.02	15.56	19.8%	32.8%
VET	UPCOM	63,900	1,019.8	650.4	2.1%	57.2	961.7%	5,400	2.99	11.83	8.0%	27.3%
NBC	HNX	6,300	233.1	1,552.1	44.3%	37.7	55.9%	2,414	0.53	2.61	3.1%	19.5%
NDN	HNX	13,800	613.2	161.7	28.8%	32.9	35.9%	2,624	1.08	5.26	10.8%	20.3%
NED	UPCOM	10,200	413.1	186.3		57.7	96.3%	2,025	1.30	5.04	6.4%	29.2%
NRC	HNX	43,300	519.6	139.5		55.3	249.9%	6,200	3.33	6.98	23.8%	40.7%
NLG	HOSE	28,550	6,040.5	2,740.5	67.4%	635.1	901.7%	4,378	1.27	6.52	9.9%	19.9%
NNC	HOSE	51,600	1,131.1	437.5	2.7%	151.6	32.1%	9,014	2.96	5.72	35.7%	43.3%
NTC	UPCOM	74,100	1,181.4	120.8	18.8%	144.2	139.1%	11,775	2.80	6.29	6.1%	47.6%
PAC	HOSE	44,500	2,068.0	2,296.8	10.6%	108.6	105.5%	2,923	3.74	15.22	6.8%	21.4%
PC1	HOSE	23,500	3,120.1	3,578.2	55.5%	410.9	125.3%	3,544	0.97	6.63	7.3%	15.6%
PGC	HOSE	14,200	856.8	2,440.7	14.5%	116.6	36.3%	2,720	1.11	5.22	7.5%	21.0%
PGD	HOSE	38,300	3,446.9	6,004.1	20.8%	197.0	23.9%	3,132	2.69	12.23	9.2%	19.6%
PHC	HOSE	14,000	327.7	1,940.1	44.8%	38.9	161.1%	2,081	0.79	6.73	2.7%	13.4%
PHR	HOSE	29,200	3,956.6	884.0	-21.1%	390.6	61.3%	3,509	1.44	8.32	10.6%	18.4%
PNJ	HOSE	96,200	15,597.7	10,507.7	35.5%	694.4	40.9%	5,651	5.34	17.02	18.5%	28.4%
QPH	UPCOM	25,900	481.3	84.7	2.2%	42.3	115.8%	2,433	1.61	10.65	10.7%	15.6%
SAF	HNX	60,000	475.1	752.4	5.4%	30.6	24.1%	4,993	4.88	12.02	21.3%	33.8%
SGN	HOSE	133,400	3,196.9	949.0	16.3%	210.5	30.9%	10,587	5.06	12.60	32.3%	44.9%
SDG	HNX	31,900	216.9	524.2	198.9%	36.3	465.2%	5,042	0.67	6.33	6.8%	15.5%
SFI	HOSE	28,300	333.9	647.1	22.2%	44.1	59.0%	4,016	0.88	7.05	7.7%	12.6%
SRA	HNX	48,800	97.6	185.9	1942.9%	59.5	7383.7%	34,684	1.11	1.41	86.8%	139.6%
SSI	HOSE	28,500	14,226.4	2,794.7	49.3%	1,094.9	74.4%	2,540	1.50	11.22	6.9%	15.9%
SVC	HOSE	45,200	1,128.9	9,631.7	-5.4%	112.5	326.8%	5,680	0.84	7.96	4.0%	10.7%
AST	HOSE	65,000	2,340.0	642.0	33.8%	119.1	36.9%	4,346	4.64	14.96	23.9%	31.9%
TCB	HOSE	27,000	94,408.0	0.0		6,209.2	20.7%	2,611	1.94	10.34	3.0%	21.7%
TCM	HOSE	25,150	1,361.4	2,826.8	15.4%	212.6	85.5%	4,319	1.31	5.82	7.7%	20.7%
TCT	HOSE	57,100	730.2	157.3	12.6%	75.0	106.4%	6,082	2.35	9.39	25.0%	26.9%
TCW	UPCOM	16,800	253.1	486.7	-1.4%	41.7	21.0%	3,577	0.78	4.70	8.3%	16.6%
TMP	HOSE	33,500	2,345.0	626.8	15.8%	313.6	35.1%	5,526	1.89	6.06	26.8%	33.8%
TMS	HOSE	22,900	1,088.0	1,736.5	24.2%	165.4	86.4%	4,184	0.63	5.47	6.8%	13.0%
TNG	HNX	17,700	873.3	2,726.6	47.6%	130.5	38.0%	3,203	1.20	5.53	6.2%	23.4%
TPB	HOSE	25,000	16,645.7	0.0		1,290.1	101.1%	2,517	1.66	9.93	1.2%	18.2%
TVS	HOSE	13,750	851.9	338.4	24.7%	104.1	431.1%	2,563	1.05	5.36	7.0%	19.4%
UIC	HOSE	30,100	240.8	1,872.8	10.9%	41.7	36.3%	6,485	0.90	4.64	11.8%	19.9%
VCB	HOSE	55,500	199,676.2	0.0		9,365.3	36.9%	3,359	3.35	16.52	1.2%	21.0%
VEA	UPCOM	34,300	45,599.1	4,681.9	12.2%	4,843.7	27.3%	3,797	2.46	9.03	0.0%	0.0%
VHC	HOSE	100,300	9,257.9	6,569.3	9.6%	1,036.0	260.5%	13,203	2.52	7.60	23.0%	38.3%
VIB	UPCOM	26,500	14,064.4	0.0		1,376.5	134.5%	3,736	1.50	7.09	1.5%	21.2%

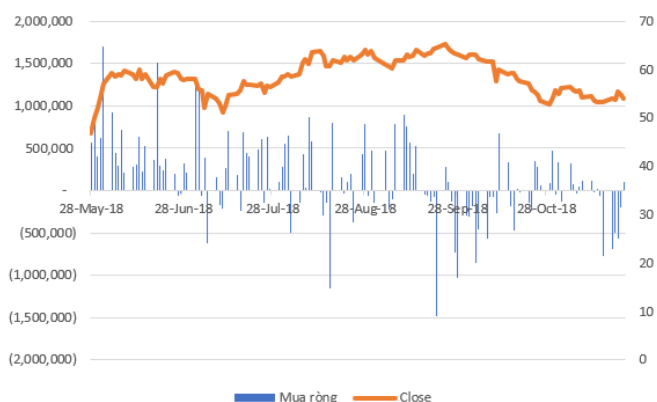
TVT	HOSE	22,100	464.1	1,825.8	-9.0%	80.1	42.8%	4,819	0.64	4.59	6.1%	14.2%
VJC	HOSE	132,000	71,492.7	33,934.8	50.1%	3,681.3	74.1%	10,037	5.74	13.15	16.3%	47.5%
VIX	HNX	9,200	744.9	363.0	50.6%	204.6	2528.0%	3,022	0.68	3.04	17.9%	24.5%
VMC	HNX	22,300	446.0	1,101.8	37.6%	67.2	359.4%	24,799	0.74	0.90	17.1%	86.0%
VSA	HNX	18,000	253.7	656.6	9.2%	39.1	42.3%	4,193	0.80	4.29	8.9%	16.8%
VPG	HOSE	23,500	540.5	1,320.0		54.8	135.4%	2,778	1.75	8.46	3.9%	22.6%
VRC	HOSE	23,000	1,150.0	33.2	932.1%	175.3	1639.3%	4,512	1.26	5.10	20.0%	27.3%
VCW	UPCOM	33,400	2,505.0	333.0	10.0%	153.2	31.4%	2,669	2.70	12.51	18.2%	22.6%



Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (đang nắm giữ)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	55	2,360,280	16.37	3.22	651,770	7,180	746,190,081	197,877	20.7%	3,359	17,101
CTG	HOSE	22.85	4,180,120	11.07	1.22	-	-	1,116,945,706	85,080	30.0%	2,064	18,777
BID	HOSE	31.25	2,480,990	12.83	1.99	377,080	22,500	96,787,582	106,835	2.8%	2,435	15,713
MBB	HOSE	20.9	4,283,920	8.93	1.36	-	-	432,090,274	45,153	20.0%	2,341	15,371
TCB	HOSE	26.05	1,625,000	10.39	1.84	320,470	320,470	787,033,936	91,086	22.5%	2,507	14,151
VPB	HOSE	20.8	1,624,280	7.70	1.65	-	-	570,052,382	51,100	23.2%	2,703	12,643
STB	HOSE	12.15	3,188,990	17.19	0.96	518,630	7,830	232,137,350	21,914	12.9%	707	12,614
EIB	HOSE	13.55	838,260	12.35	1.10	-	7,000	369,357,857	16,659	30.0%	1,097	12,292
HDB	HOSE	30.25	1,592,500	12.31	1.86	360,590	374,880	267,001,794	29,675	27.2%	2,458	16,264
TPB	HOSE	25.4	237,440	11.07	1.67	43,500	-	199,766,709	16,912	30.0%	2,294	15,185
SHB	HNX	7.3	2,690,376	5.59	0.55	20	-	114,195,997	8,783	9.5%	1,306	13,338
ACB	HNX	29.5	3,550,352	7.61	1.70	-	-	386,576,321	36,791	31.0%	3,875	17,336
NVB	HNX	10.4	1,079,130	110.74	0.98	2,000	-	98,275	3,096	0.0%	94	10,665
LPB	UPCOM	9.4	1,077,568	6.84	0.70	-	24,999	37,238,676	7,050	5.0%	1,374	13,423
BAB	UPCOM	20.5	1,053,631	16.42	1.64	-	-	1,138,530	11,275	0.2%	1,248	12,503
VIB	UPCOM	19	312,382	5.36	1.06	500	-	115,710,712	10,118	21.7%	3,548	17,928
KLB	UPCOM	10.4	200	14.51	0.91	-	-	57,001,000	3,327	17.8%	717	11,424

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



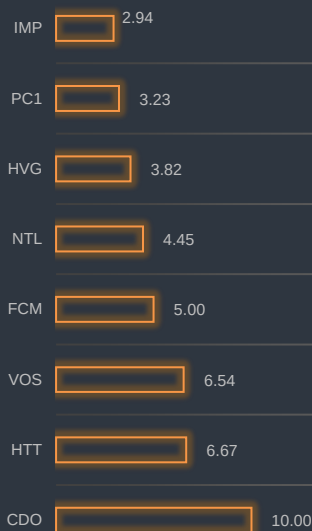
Mua bán ròng khối ngoại - STB



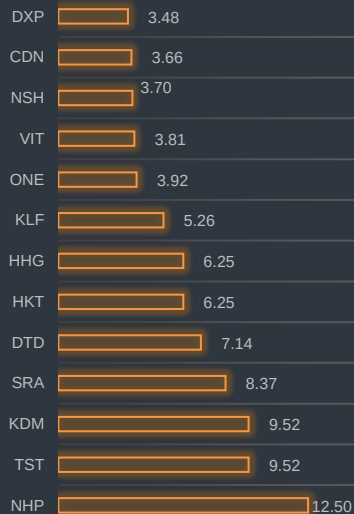
HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Cổ phiếu Quan tâm

Top tăng giá HOSE



Top tăng giá HNX



TRC - CTCP Cao su Tây Ninh – Đã điều chỉnh lại kế hoạch kinh doanh năm 2018, với chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế điều chỉnh mới lần lượt là 492,1 tỷ và 107,7 tỷ đồng. Cùng với đó, Công ty cũng điều chỉnh tỷ lệ cổ tức chi trả cho năm 2018 lên 23% và dự kiến thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2018 với tỷ lệ 20%.

CSC - CTCP Tập đoàn Cotana - Ngày 5/12 sẽ chốt danh sách cổ đông phát hành 10 triệu cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ phát hành 100%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 1 cổ phiếu mới.

Dự kiến trong quý IV/2018, Công ty sẽ phát hành 500.000 cổ phiếu ESOP chào bán cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu.

HCD - CTCP Đầu tư sản xuất và thương mại HCD - Thông báo dời ngày thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền cho cổ đông sang 31/5/2019 thay cho ngày 30/11/2018 thông báo trước đó. Nguyên nhân do HCD tập trung nguồn tiền nhập nguyên vật liệu, vì vậy cần thời gian để thu xếp nguồn tiền chi trả cổ tức.

SRC - CTCP Cao su Sao Vàng - Ngày 07/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 10/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 3%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/12/2018.

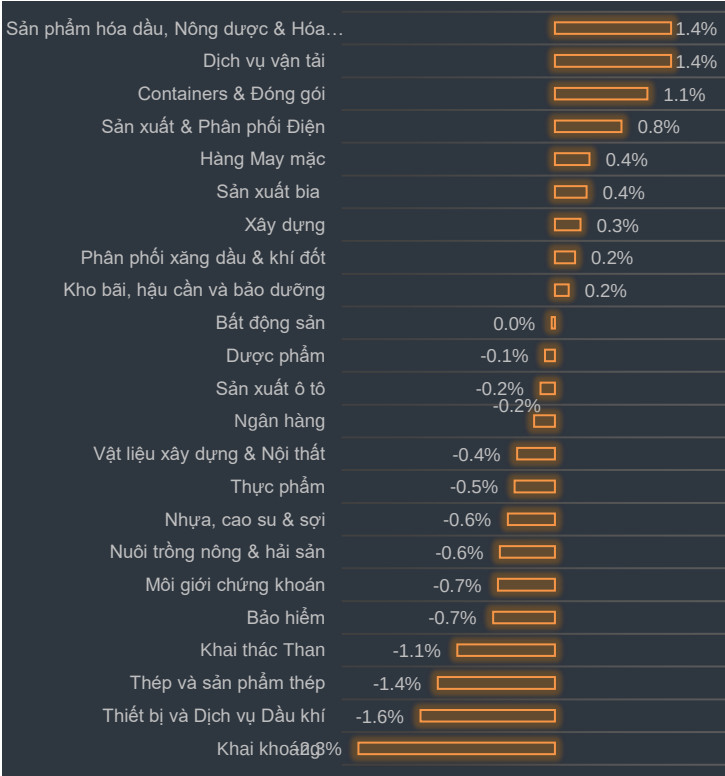
TIE - CTCP TIE - Đã chấp thuận nhận chuyển nhượng cổ phần tại 2 Công ty Bến Nghé sau khi mua CTCP Bốn Biển hồi tháng 9/2018. TIE đang cho thấy bước lột xác sang một ngành nghề mới là kinh doanh văn phòng phẩm và nghỉ dưỡng.

CAV - CTCP Dây cáp điện Việt Nam - Ngày 12/12 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%, tức 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.500 đồng.

BMP - CTCP Nhựa Bình Minh - Ngày 07/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 10/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/12/2018.

DHA - CTCP Hóa An - Đã thông qua quyết định mua vào 500.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận. Giá mua theo giá thị trường nhưng không quá 33.000 đồng/cổ phiếu.

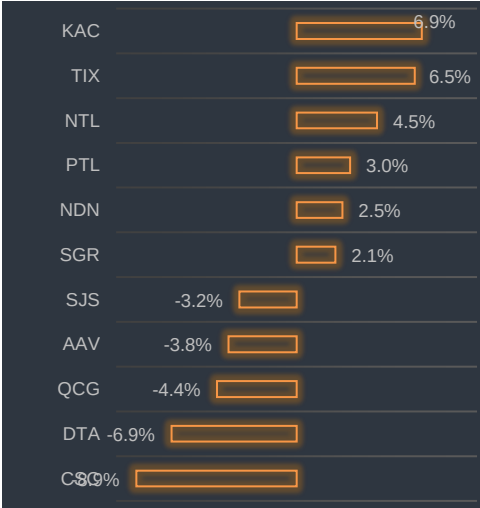
Tăng giảm ngành trong ngày



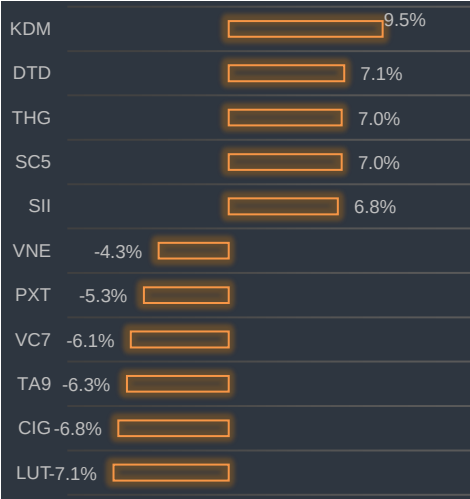
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	KAC, TIX, NTL
Xây dựng:	KDM, DTD, THG
Dầu khí:	PGD, CNG, PVE
Chứng khoán:	TVS, VIX, SSI
Ngân hàng:	CTG, ACB, MBB

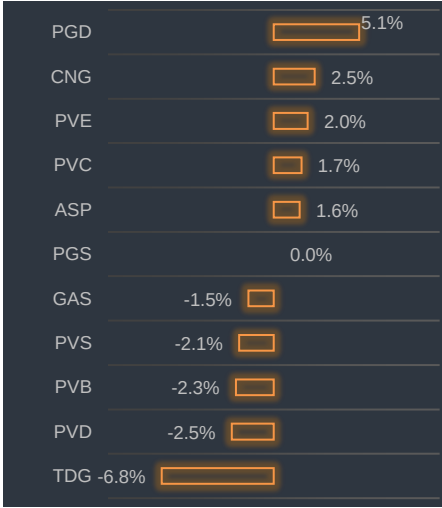
Bất động sản



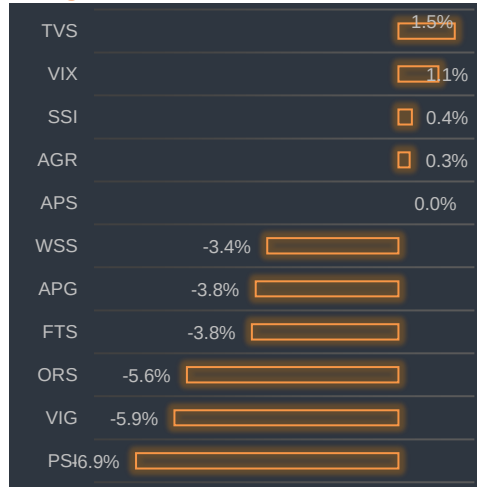
Xây dựng



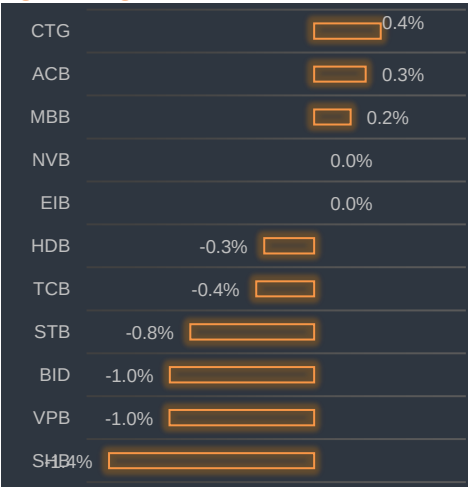
Dầu khí



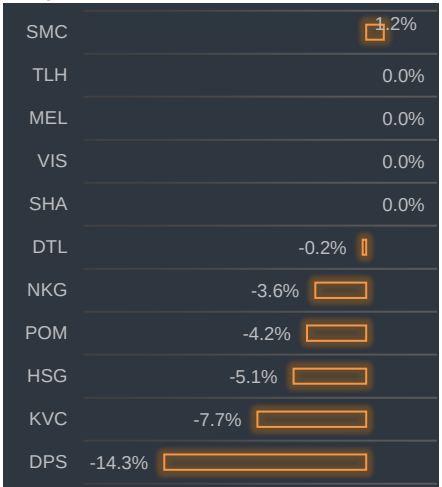
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931